TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST
Ngày: 04 - 4 - 2023
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TINH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Phương;

2. Bà Mai Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Trái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ông Phạm Năng N, sinh năm 1959; địa chỉ: tổ 9, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1980, bà Phan Kim L, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ 2, ấp C, xã E, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ông N có cho ông D, bà L vay 03 lần tiền cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 09-10-2020 cho vay 500.000.000 đồng, có làm giấy, thời hạn trả là 01 tháng (09-10-2020 đến 09-11-2020), có tính lãi 2%/tháng, khi vay thì ông D, bà L trả trước

01 tháng tiền lãi 02%/tháng là 10.000.000 đồng; lần 2: Ngày 25-11-2020 cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả 01 tháng (25-11-2020 đến 25-12-2020), có tính lãi 2%/tháng, lần vay này ông D, bà L chưa trả lãi số tiền nào; lần 3: Ngày 26-11-2020 cho vay 200.000.000 đồng, hạn trả là 01 tháng (26-11-2020 đến 26-12-2020), có tính lãi 3%/tháng, ông D, bà L đã trả được 01 tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng; khi vay thì ông D, bà L không thế chấp tài sản gì.

Nay ông N yêu cầu ông D, bà L trả số tiền vay 500.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 09-10-2020 đến nay, theo lãi suất 1,66%/tháng và đồng ý khấu số tiền lãi đã nhận là 10.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 25-11-2020 đến nay, theo lãi suất 1,66%/tháng. Riêng số tiền 200.000.000 đồng ông N chỉ yêu cầu ông D trả, không yêu cầu bà L L đới trả, yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 26-11-2020 đến nay, theo lãi suất 1,66%/tháng và đồng ý khấu số tiền lãi đã nhận 01 tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn: Ông Phạm Văn D, bà Phan Kim L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng; Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Năng N.

Buộc ông Phạm Văn D, bà Phan Kim L cùng L đới trả cho ông Phạm Năng N 02 khoản vay ngày 09-10-2020 và 25-11-2020 và lãi 1,66%/tháng của từng khoản vay tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, khấu trừ tiền lãi 10.000.000 đồng.

Buộc ông Phạm Văn D trả cho ông Phạm Năng N số tiền vay 200.000.000 đồng, tiền lãi 87.956.000 đồng đồng. Tổng cộng 287.956.000 (hai trăm tám mươi bảy triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

- Về án phí: Ông Phạm Văn D, bà Phan Kim L phải chịu án phí D sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về người tham gia tố tụng: Đại diện nguyên đơn bà Đỗ Thị M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Phạm Văn D, bà Phan Kim L đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông N yêu cầu ông D, bà L trả tiền vay, nên xác định quan hệ tranh chấp là "hợp đồng vay tài sản" thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Do tranh chấp về hợp đồng dân sự nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân cấp huyện; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình làm việc đại diện nguyên đơn yêu cầu ông D, bà L trả số tiền vay tổng cộng là 600.000.000 đồng. Riêng số tiền 200.000.000 đồng ông N chỉ yêu cầu ông D trả không yêu cầu bà L cùng trả. Ông D, bà L vắng mặt, nên không có lời trình bày.

[4] Xét giấy vay tiền lập ngày 09-10-2020, thể hiện số tiền cho vay 500.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 09-11-2020, có tính lãi 2%/tháng; giấy vay tiền lập ngày 25-11-2020, thể hiện số tiền cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 25-12-2020, có tính lãi 2%/tháng; 02 giấy vay vốn này phần cuối có chữ ký và viết họ tên Phạm Văn D, Phan Kim L, nên ông N yêu cầu ông D, bà L trả 600.000.000 đồng. Riêng giấy vay tiền lập ngày 26-11-2020 thể hiện số tiền cho vay 200.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 26-12-2020, có tính lãi 3%/tháng, giấy vay vốn này phần cuối có chữ ký và viết họ tên Phạm Văn D, nên ông N yêu cầu ông D trả 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Ông D, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên tự ý từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[6] Về lãi suất: Ông N yêu cầu ông D, bà L trả tiền lãi từ ngày vay đến nay theo lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp pháp luật quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên được tính cụ thể như sau: Số tiền vay 500.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 09-10-2020 đến ngày 04-4-2023 là (29 tháng 25 ngày) x 1,66%/tháng = 247.616.650 đồng. Khấu trừ tiền lãi đã nhận là 10.000.000 đồng = 237.616.650 đồng; số tiền vay 100.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 25-11-2020 đến 04-4-2023 là (28 tháng 10 ngày) x 1,66%/tháng = 47.033.333 đồng; số tiền vay 200.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 26-11-2020 đến ngày 04-4-2023 là (28 tháng 09 ngày) x 1,66%/tháng = 93.956.000

đồng. Khấu trừ tiền lãi đã nhận là 6.000.000 đồng = 87.956.000 đồng.

Từ các phân tích đánh giá và nhận định nêu trên cần buộc ông Phạm Văn D, bà Phan Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Năng N số tiền vay 600.000.000 đồng, tiền lãi 284.649.983 đồng. Tổng cộng 884.649.983 đồng.

Buộc ông Phạm Văn D có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Năng N số tiền vay 200.000.000 đồng, tiền lãi 87.956.000 đồng đồng. Tổng cộng 287.956.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 884.649.983 đồng; ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 287.956.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Năng N tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà ông Phạm Văn D, bà Phan Kim L.

- Buộc ông Phạm Văn D, bà Phan Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Năng N số tiền vay 600.000.000 đồng, tiền lãi 284.649.983 đồng. Tổng cộng 884.649.983 (tám trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm tám mươi ba) đồng.

- Buộc ông Phạm Văn D có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Năng N số tiền vay 200.000.000 đồng, tiền lãi 87.956.000 đồng. Tổng cộng 287.956.000 (hai trăm tám mươi bảy triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 04-4-2023 cho đến khi thi hành án xong, bên ông D, bà L còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn D, bà Phan Kim L phải chịu 38.539.500 (ba mươi tám triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Văn D phải chịu 14.397.800 (mười bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Năng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên không đặt ra xử lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông N, ông D, bà L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Tuấn